

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16 tháng 3 năm 2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Như

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Huệ

Bà Liêu Bích Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ni-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Phan Thanh Tình-Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 20/2016/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 07 năm 2016, về tranh chấp ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thúy L, sinh năm 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Tseng Liang CC, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 11, Lộ TT, khóm 22, thành phố ĐT, Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 7 năm 2016 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thúy L trình bày: Chị và ông Tseng Liang CC quen biết nhau do người thân mai mối, sau đó chị và ông CC tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 01 năm 2015, đến ngày 30 tháng 01 năm 2015 được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, ông Tseng Liang CC về Đài Loan, đến tháng 9 năm 2015 ông CC bảo lãnh chị sang Đài Loan để đoàn tụ gia đình. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, ngôn ngữ và tính tình không hợp nhau. Tháng 4 năm 2016, chị L trở về Việt Nam và sống ly thân với ông CC cho đến nay. Chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với ông CC. Chị và ông CC không có con chung, tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Tseng Liang CC, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp, yêu cầu ông CC trả lời các câu hỏi của Tòa án về những nội dung liên quan đến yêu cầu khởi kiện của chị L đối với ông, triệu tập ông CC tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng đến nay ông CC không trả lời những câu hỏi của Tòa án. Theo quy định của pháp luật Việt Nam yêu cầu ly hôn của chị L vẫn được tiến hành giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án:

+ Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Quá trình giải quyết Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát đúng theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn chị Nguyễn Thúy L đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn ông Tseng Liang CC đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ theo thủ tục ủy thác tư pháp nhưng vẫn không chấp hành theo yêu cầu của Tòa án nên ông CC đã vi phạm các Điều 70, 71, 72, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng các vi phạm của ông CC không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 228, 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Chị L xác định chị và ông CC tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/01/2015 nên hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn chị L và ông CC chung sống tại Đài Loan, trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ngôn ngữ, quan điểm và tính tình không hợp nhau nên chị L về Việt Nam từ tháng 4 năm 2016 đến nay và cũng không liên lạc được với ông CC. Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “... *khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà Tòa án hòa giải không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được*”. Xét thấy mục đích hôn nhân của chị L và ông CC không đạt được nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với ông CC. Về con chung và tài sản chung không có, chị L không có yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến phát biểu của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thúy L yêu cầu ly hôn với ông Tseng Liang CC, ông CC có quốc tịch Đài Loan và đang cư trú tại Đài Loan nên yêu cầu ly hôn của chị L đối với ông CC thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp để tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu ông CC trình bày các vấn đề có liên quan đến yêu cầu ly hôn của chị L đối với ông, triệu tập ông Ch tham gia các phiên họp hòa giải và phiên tòa xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa ông CC vắng mặt không rõ lý do.

[4] Ngày 02 tháng 02 năm 2018, Tòa án đã nhận được Công văn số 3744/BTP-PLQT ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Bộ tư pháp, nội dung: “... Cơ quan có thẩm quyền của Lãnh thổ Đài Loan đã thực hiện ủy thác tư pháp bằng phương thức gửi hồ sơ tổng đạt tại đồn Công an...”. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông CC theo quy định của pháp luật.

[5] Về hôn nhân: Chị L xác định chị và ông CC tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 27/01/2015 và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 30 tháng 01 năm 2015 nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của chị L, chị L xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi vã nên tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống với nhau thì cũng không hạnh phúc, do đó tháng 4 năm 2016 chị L về Việt Nam và ly thân với ông CC đến nay. Trong thời gian sống ly thân ông CC không qua Việt Nam gặp chị để hàn gắn tình cảm vợ chồng và hiện nay cũng không liên lạc được với ông CC. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau nhưng trong thời gian chung sống chị L và ông CC phát sinh mâu thuẫn nên làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và khả năng vợ chồng đoàn tụ là không có. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của của chị L đối với ông CC.

[7] Về con chung, tài sản chung và nợ chung chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 200.000 đồng và lệ phí ủy thác tư pháp 350.000 đồng chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 273, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thúy L đối với ông Tseng Liang CC.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có yêu cầu; không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 200.000 đồng chị Nguyễn Thúy L phải chịu, chị L đã nộp tạm ứng án phí 200.000 đồng theo biên lai thu số 0004629 ngày 18 tháng 7 năm 2016 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí 200.000 đồng.

- Lệ phí ủy thác tư pháp 350.000 đồng chị Nguyễn Thúy L phải chịu, chị L đã nộp xong lệ phí 350.000 đồng theo các biên lai thu số 000188 ngày 29 tháng 7 năm 2016 và số 0000697 ngày 07 tháng 7 năm 2017 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, chị Nguyễn Thúy L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; ông Tseng Liang CC có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- UBND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- Cục THADS tỉnh Bạc Liêu;
- Đương sự;
- Lưu HS, VP.

(Đã ký)

Trần Ngọc Như